

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN PHÚ T
TỈNH AN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 181/2020/HNGĐ-ST

Ngày: 12 - 6 - 2020

*“V/v ly hôn giữa
chị H và anh C”*

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN PHÚ T, TỈNH AN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Đỗ Thị Ngọc Thảo.

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Nguyễn Thị Kim Chi.

Ông Võ Thái Quân.

- Thư ký phiên tòa: Ông Trần Thiện Nhân – Thư ký Tòa án nhân dân huyện PHÚ T, tỉnh An Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện PHÚ T, tỉnh An Giang tham gia phiên tòa: Ông Lưu Tiến Dũng – Kiểm sát viên.

Ngày 12 tháng 6 năm 2020, tại Tòa án nhân dân huyện PHÚ T xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 113/2020/TLST-HNGĐ ngày 09/3/2020 về tranh chấp “Ly hôn, nuôi con khi ly hôn” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 52/2020/QĐXXST - HNGĐ, ngày 27 tháng 5 năm 2020 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị Ngọc H, sinh năm 1998.

Trú tại: Số 84, tổ 2, ấp Bình Th, xã Phú B, huyện PHÚ T, tỉnh An Giang.

2. Bị đơn: Anh Nguyễn Chí Cường, sinh năm 1997.

Trú tại: Tổ 5, ấp Bình Ph 2, xã Phú B, huyện PHÚ T, tỉnh An Giang.

(Chị H, anh C xin vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn xin ly hôn đề ngày 05/02/2020 nguyên đơn Chị Nguyễn Thị Ngọc H trình bày:

Chị H và anh C sau thời gian tìm hiểu, được cha mẹ hai bên đồng ý tổ chức lễ cưới, vợ chồng có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Phú B. Giấy chứng nhận kết hôn số 32 ngày 06 tháng 4 năm 2018. Sau khi cưới, vợ chồng cùng cha

mẹ chồng lên Bình Dương sinh sống, chung sống hạnh phúc được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn, do chị H mâu thuẫn với mẹ chồng về vấn đề tiền bạc, anh C không ủng hộ mà còn có người phụ nữ khác ở bên ngoài, mâu thuẫn vì thế kéo dài, tháng 10/2019 chị H bỏ nhà đi, vợ chồng ly thân từ đó, trong thời gian ly thân anh C không tới lui thăm hỏi vợ con nay tình cảm đã không còn, chị H yêu cầu ly hôn với anh C.

Về con chung: Chị H và anh C có 01 người con chung tên Nguyễn Tuấn Cảnh, sinh ngày 12/01/2019. Con chung hiện đang sống với Chị H, khi ly hôn chị H yêu cầu nuôi con chung, không yêu cầu anh C cấp dưỡng

Về tài sản chung, nợ chung: Không có. Ngày 22/5/2020 chị H có đơn xin xét xử vắng mặt.

Ngày 26/5/2020 anh Nguyễn Chí Cường gửi bản tự khai và đơn xin vắng mặt, anh C trình bày đồng ý ly hôn theo yêu cầu Chị H, thống nhất vợ chồng có 01 con chung tên Nguyễn Tuấn Cảnh, sinh ngày 12/01/2019 hiện con chung đang sống với Chị H, đồng ý giao con chung cho chị H tiếp tục nuôi dưỡng. Về tài sản chung, nợ chung không có. Do phải đi làm xa, không về địa phương, xin được xét xử vắng mặt cho đến khi kết thúc vụ án.

Tại phiên tòa, kiểm sát viên phát biểu về quá trình tiến hành tố tụng và đề xuất như sau:

- Về thủ tục tố tụng: Việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng dân sự kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án là đúng quy định pháp luật, Tuy nhiên anh C vắng mặt từ khi được thông báo các văn bản tố tụng, nhưng anh không có mặt là chấp hành pháp luật chưa nghiêm.

- Về việc giải quyết vụ án: Hôn nhân của chị H và anh C được xác lập trên cơ sở tự tìm hiểu, hôn nhân có tổ chức lễ cưới và có đăng ký kết hôn. Đây là hôn nhân hợp pháp được pháp luật bảo vệ; quá trình chung sống vợ chồng có nhiều mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống và ly thân, từ khi ly thân đến nay không hàn gắn được. Nên yêu cầu ly hôn của chị H là có căn cứ, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét.

Về con chung: Anh C, chị H có 01 con chung tên Nguyễn Tuấn Cảnh, con chung hiện đang sống với Chị H, chị H yêu cầu tiếp tục nuôi con chung, không yêu cầu anh C cấp dưỡng. Đề nghị HĐXX giao con chung cho chị H tiếp tục nuôi dưỡng.

Về tài sản chung, Nợ chung: Không có.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

Về quan hệ tranh chấp: Chị Nguyễn Thị Ngọc H khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết cho ly hôn với anh Nguyễn Chí Cường nên quan hệ tranh chấp của vụ án là “Ly hôn, nuôi con khi ly hôn” theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng Dân sự.

Về thẩm quyền giải quyết: Bị đơn anh C được tổng đạt các văn bản tố tụng, quyết định đưa vụ án ra xét xử, nhưng anh không có mặt nên HĐXX xét xử vắng mặt anh theo Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, hiện tại anh C có nơi cư trú tại ấp Bình Ph 2, xã Phú B, huyện PHÚ T, tỉnh An Giang nên căn cứ theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân huyện PHÚ T, tỉnh An Giang.

[2.] Về nội dung:

Hôn nhân của Chị H và anh C được xác lập năm 2018 trên cơ sở tự tìm hiểu, có tổ chức lễ cưới và có đăng ký kết hôn nên hôn nhân của anh chị là hôn nhân hợp pháp nên làm phát sinh quyền và nghĩa vụ giữa vợ chồng.

Xét về yêu cầu ly hôn, thấy rằng: Chị Hyêu cầu ly hôn, anh C đồng ý nhưng do anh C, chị H hiện tại đi làm xa, không có mặt ở nhà nên Tòa án không công nhận thuận tình ly hôn mà tiến hành xét xử đối Chị H, anh C. Trong thời gian chung sống vợ chồng Chị H, anh C có nhiều mâu thuẫn nên thường xuyên cãi vã, bất đồng quan điểm sống, chị H và mẹ chồng không tìm được tiếng nói chung trong gia đình, anh C không khuyến can mà còn có người phụ nữ khác bên ngoài, từ lúc ly thân đến nay anh C không tới lui thăm hỏi vợ con, điều đó chứng tỏ anh C không có ý chí hàn gắn tình cảm vợ chồng điều này thỏa mãn theo quy định tại Điều 19, Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình. Hội đồng xét xử thống nhất cho chị H được ly hôn anh C.

[3] Về con chung: Chị H, anh C thống nhất vợ chồng có 01 người con chung tên Nguyễn Tuấn Cảnh, sinh ngày 12/01/2019 con chung chưa thành niên, khi ly hôn chị Hyêu cầu nuôi con, anh C đồng ý giao con chung cho chị H tiếp tục nuôi dưỡng, chị H không yêu cầu cấp dưỡng. Xét thấy từ khi ly thân đến nay cháu Cảnh đang sống với Chị H, có cuộc sống ổn định, nên tiếp tục giao cháu Cảnh cho chị H nuôi dưỡng, chăm sóc là phù hợp với quy định tại Điều 81 Luật hôn nhân gia đình năm 2014.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom mà không ai được cản trở.

Chị H trình bày tài sản chung, nợ chung không có nên Hội đồng xét xử không xem xét. Nhưng sau khi Bản án có hiệu lực pháp luật nếu có nguyên đơn xuất trình chứng cứ chứng minh nợ chung của vợ, chồng trong thời kỳ hôn nhân thì phải liên đới chịu trách nhiệm với tư cách đồng bị đơn trong vụ án dân sự khác.

[4] Về án phí: Chị H phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 227, Điều 228; khoản 4 Điều 147; Điều 271; Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

-Điều 19, Khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình.

-Điểm a Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận cho Chị Nguyễn Thị Ngọc H được ly hôn với anh Nguyễn Chí Cường.

Về con chung: Chị Nguyễn Thị Ngọc H được tiếp tục nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục con chung tên Nguyễn Tuấn Cảnh, sinh ngày 12/01/2019. Con chung hiện đang sống với Chị H. Anh Nguyễn Chí Cường không phải cấp dưỡng cho con.

Việc nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục con chưa thành niên không cố định

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom mà không ai được cản trở.

Về tài sản chung: Không.

Nợ phải thu, phải trả chung của vợ chồng: Không.

Về án phí: Chị Nguyễn Thị Ngọc H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm đối với yêu cầu ly hôn là 300.000 đồng (ba trăm ngàn đồng), được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu tiền số 0006576 ngày 06/03/2020 của Chi cục Thi hành án huyện PHÚ T, tỉnh An Giang. Chị H không phải nộp thêm án phí.

Anh Nguyễn Chí Cường không phải chịu án phí.

Các đương sự có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Anh C, chị H vắng mặt tại phiên tòa thời hạn kháng cáo đối với bản án là 15 ngày tính từ ngày anh, chị nhận được bản án hoặc niêm yết.

Trường hợp Bản án, Quyết định được thi hành theo qui định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- Viện kiểm sát nhân dân cùng cấp;
- Tòa án nhân dân tỉnh An Giang;
- Chi cục thi hành án dân sự huyện PHÚ T;
- Ủy ban nhân dân xã **Phú B**;
- Lưu: hồ sơ vụ án, văn phòng.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đỗ Thị Ngọc Thảo

